|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI \*\*\*\*\*\*\*\*** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc \*\*\*\*\*\*\*\*** |
| Số: 13-L/CTN | *Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 1993* |

**LỆNH**

**Của chủ tịch nước số 12-L/CTN ngày 26/4/1993 công bố pháp lệnh tổ chức Viện Kiểm Sát Quân Sự**

**CHỦ TỊCH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

*Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1992;  
Căn cứ vào Điều 78 của Luật tổ chức Quốc hội,*

**NAY CÔNG BỐ :**

Pháp lệnh Tổ chức Viện kiểm sát quân sự đã được Uỷ ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khoá IX) thông qua ngày 17 tháng 4 năm 1993.

**PHÁP LỆNH**

TỔ CHỨC VIỆN KIỂM SÁT QUÂN SỰ

*Căn cứ vào Điều 91 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;   
Căn cứ vào Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân;  
Căn cứ vào nhiệm vụ và tổ chức của Quân đội nhân dân Việt Nam;  
Pháp lệnh này quy định về tổ chức và hoạt động của các Viện kiểm sát quân sự.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1**

Các Viện kiểm sát quân sự thuộc hệ thống Viện kiểm sát nhân dân, được tổ chức trong quân đội, kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức của quân đội, quân nhân tại ngũ, công nhân, nhân viên quốc phòng, quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện hoặc kiểm tra tình trạng sẵn sàng chiến đấu, dân quân tự vệ phối thuộc chiến đấu với quân đội và những người được trưng tập làm nhiệm vụ quân sự, các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan; thực hành quyền công tố theo quy định của pháp luật, bảo đảm cho pháp luật được cấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

Trong trường hợp cần thiết, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thể giao cho Viện kiểm sát quân sự kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với công dân và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

**Điều 2**

Trong phạm vi chức năng của mình, Viện kiểm sát quân sự có nhiệm vụ góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa; bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; bảo vệ an ninh quốc phòng, kỷ luật quân đội, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể; bảo vệ tính mạng, sức khoẻ, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của quân nhân, công nhân, nhân viên quốc phòng và của các công dân khác; bảo đảm để mọi hành vi xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của tập thể, sức chiến đấu của quân đội, quyền và lợi ích hợp pháp của quân nhân, công nhân, nhân viên quốc phòng và của công dân khác đều phải được xử lý theo pháp luật.

**Điều 3**

Các Viện kiểm sát quân sự thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố bằng những công tác sau đây:

1- Kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với các văn bản pháp quy được ban hành trong quân đội; kiểm sát việc chấp hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị và tổ chức trong quân đội; mọi quân nhân, công nhân, nhân viên quốc phòng và công dân khác có liên quan đến việc làm vi phạm pháp luật xâm hại lợi ích của quân đội; kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc phạt giam kỷ luật quân nhân;

2- Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra của các cơ quan điều tra và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra đối với các vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Toà án quân sự;

3- Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử các vụ án hình sự của Toà án quân sự;

4- Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án quân sự;

5- Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc giam giữ, cải tạo trong quân đội;

6- Điều tra tội phạm trong những trường hợp do pháp luật tố tụng hình sự quy định.

**Điều 4**

Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, Viện kiểm sát quân sự có quyền ra quyết định, kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu và chịu trách nhiệm trược pháp luật về các văn bản đó.

Trong trường hợp các văn bản nói trên trái pháp luật thì tuỳ theo tính chất và mức độ sai phạm mà người ra văn bản bị xử lý kỷ luật, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Các quyết định, kháng nghị, kiến nghị, yêu cầu của Viện kiểm sát quân sự phải được các cơ quan, đơn vị và tổ chức của quân đội, các cơ quan, tổ chức và người khác có liên quan thực hiện nghiêm chỉnh theo quy định của pháp luật.

**Điều 5**

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình Viện kiểm sát quân sự có trách nhiệm phối hợp với người chỉ huy và các cơ quan: Toà án quân sự, Điều tra và Thanh tra quốc phòng, các cơ quan chính trị, quân sự, Viện kiểm sát nhân dân địa phương, các tổ chức xã hội và tập thể quân nhân trong việc tuyên truyền giáo dục pháp luật; phòng ngừa, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; tham gia xây dựng pháp luật, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; thống kê, nghiên cứu các tội phạm và các vi phạm pháp luật.

**Điều 6**

Các đơn vị đóng quân ở địa phương nào thì chịu sự kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát quân sự tại địa phương đó, trừ các đơn vị có Viện kiểm sát quân sự.

Người chỉ huy các cấp phải kịp thời thông báo về tội phạm và các vi phạm pháp luật xảy ra ở đơn vị mình cho Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cùng cấp; trong trường hợp cần thiết thì kịp thời thông báo cho Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự nơi gần nhất, đồng thời thông báo cho Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp mình.

**Điều 7**

Viện kiểm sát quân sự do Viện trưởng lãnh đạo. Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp dưới chịu sự lãnh đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp trên; Viện kiểm sát quân sự các cấp chịu sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Tại Viện kiểm sát quân sự trung ương, Viện kiểm sát quân sự quân khu, quân chủng, quân đoàn, tổng cục và cấp tương đương thành lập Uỷ ban kiểm sát để thảo luận và quyết định theo đa số những vấn đề quan trọng theo quy định của Pháp lệnh này.

**Điều 8**

Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương là Phó viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, sau khi đã thống nhất với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Các Phó Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm, bãi miễn, cách chức theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự trung ương là Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao do Chủ tịch nước bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương, tỉnh và khu vực do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương.

Thủ trưởng, Phó thủ trưởng và Điều tra viên của Viện kiểm sát quân sự các cấp do Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

Phó Viện trưởng giúp Viện trưởng làm nhiệm vụ theo sự phân công của Viện trưởng. Khi Viện trưởng vắng mặt, một Phó viện trưởng được Viện trưởng uỷ nhiệm lãnh dạo công tác của Viện kiểm sát.

Kiểm sát viên làm nhiệm vụ do Viện trưởng cấp mình phân công heo Pháp lệnh về Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân.

**Điều 9**

Cơ quan chính trị quân khu và tương đương, cơ quan chính trị Bộ chỉ huy quân sự tỉnh định kỳ tổ chức hội nghị đại biểu quân nhân trong đơn vị mình và các đơn vị đóng quân trên địa bàn để nghe Viện kiểm sát quân sự cùng cấp báo cáo tình hình thi hành pháp luật trong quân đội, hoạt động của Viện kiểm sát quân sự và trả lời những câu hỏi của các đại biểu.

Viện kiểm sát quân sự có trách nhiệm trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân về hoạt động của Viện kiểm sát quân sự liên quan đến địa phương.

**Chương II**

**CÁC MẶT CÔNG TÁC CỦA VIỆN KIỂM SÁT QUÂN SỰ**

**Mục 1: CÔNG TÁC KIỂM SÁT VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC CỦA QUÂN ĐỘI; QUÂN NHÂN, CÔNG NHÂN, NHÂN VIÊN QUỐC PHÒNG; CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ CÔNG DÂN KHÁC CÓ LIÊN QUAN**

**Điều 10**

Trong phạm vi trách nhiệm của mình, Viện kiểm sát quân sự kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với các văn bản pháp quy được ban hành trong quân đội; kiểm sát việc chấp hành pháp luật khi phát hiện có vi phạm pháp luật, nhằm bảo đảm:

1- Các văn bản pháp quy được ban hành trong quân đội phù hợp với Hiến pháp, Luật, Nghị quyết của Quốc hội; Pháp lệnh, Nghị quyết của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước; Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ; Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ;

2- Việc chấp hành pháp luật của các cơ quan, đơn vị, các tổ chức khác của quân đội; quân nhân, công nhân, nhân viên quốc phòng; cơ quan, tổ chức và công nhân khác có liên quan được nghiêm chỉnh và thống nhất;

3- Việc phạt giam kỷ luật quân nhân phải có đủ căn cứ và đúng pháp luật.

**Điều 11**

Khi thực hiện công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với các cơ quan, đơn vị và cá nhân quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh này, Viện Kiểm sát quân sự có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1- Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức của quân đội cùng cấp và cấp dưới; các đơn vị cơ sở trực thuộc cấp trên đóng tại địa phương:

a) Thông báo cho Viện Kiểm sát quân sự về hành vi vi phạm pháp luật trong cơ quan, đơn vị, tổ chức mình và kết quả xử lý;

b) Cung cấp các văn bản pháp quy, tài liệu cần thiết cho việc cho việc xác định việc vi phạm pháp luật

c) Kiểm tra việc làm vi phạm pháp luật trong cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp dưới và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát quân sự;

d) Giải trình các vấn đề có liên quan đến vi phạm pháp luật.

2- Yêu cầu cơ quan Thanh tra quốc phòng cùng cấp thanh tra việc làm vi phạm pháp luật và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát quân sự.

3- Yêu cầu quân nhân, công nhân, nhân viên các cơ quan, đơn vị, tổ chức, công dân khác có liên quan trả lời và cung cấp tài liệu về việc làm vi phạm pháp luật có liên quan đến họ.

4- Trực tiếp kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại cơ quan, đơn vị, tổ chức khi phát hiện có vi phạm pháp luật hoặc khi các yêu cầu của Viện kiểm sát quân sự quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này không được thực hiện, hoặc đã được thực hiện nhưng chưa đáp ứng yêu cầu.

Cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện yêu cầu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

**Điều 12**

1- Khi kết luận có vi phạm pháp luật, Viện kiểm sát quân sự kháng nghị với cơ quan, đơn vị, tổ chức của quân đội cùng cấp và cấp dưới, các đơn vị cơ sở trực thuộc cấp trên đóng tại địa phương chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật; yêu cầu đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ các văn bản pháp quy; loại trừ nguyên nhân gây ra vi phạm pháp luật; yêu cầu xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính đối với người vi phạm. Nếu có dấu hiệu tội phạm thì Viện kiểm sát quân sự khởi tố về hình sự.

2- Cơ quan, đơn vị, tổ chức hữu quan có trách nhiệm trả lời kháng nghị của Viện kiểm sát quân sự quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được kháng nghị. Trong trường hợp cơ quan, đơn vị, tổ chức hữu quan cấp trên nhận được kháng nghị của Viện kiểm sát quân sự đối với cấp dưới của mình thì thời hạn trả lời là ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được kháng nghị. Nếu cơ quan, đơn vị, tổ chức hữu quan không nhất trí với nội dung kháng nghị, thì đề nghị Viện kiểm sát quân sự cấp trên trực tiếp phải xem xét. Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp phải xem xét và trả lời trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị.

3- Khi kiểm sát việc tuân theo pháp luật, Viện kiểm sát quân sự kiến nghị với cơ quan, đơn vị, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật.

**Mục 2: CÔNG TÁC KIỂM SÁT ĐIỀU TRA**

**Điều 13**

Viện kiểm sát quân sự kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc điều tra của các cơ quan điều tra và các cơ quan khác được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong quân đội, thực hành quyền công tố nhằm bảo đảm:

1- Mọi hành vi phạm tội đều phải được điều tra và xử lý kịp thời không để lọt người phạm tội, không làm oan người vô tội;

2- Không để một người nào bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam, bị hạn chế các quyền công dân, bị xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm một cách trái pháp luật;

3- Việc điều tra phải khách quan, toàn diện, đầy đủ, chính xác, đúng pháp luật, những vi phạm pháp luật trong quá trình điều tra phải được phát hiện, khắc phục kịp thời và xử lý nghiêm minh;

4- Việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị can phải có căn cứ và đúng pháp luật.

**Điều 14**

Khi thực hiện công tác kiểm sát điều tra, Viện kiểm sát quân sự có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1- Kiểm sát việc khởi tố, kiểm sát các hoạt động điều tra của cơ quan điều tra;

2- Giải quyết các tranh chấp về thẩm quyền điều tra;

3- Phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định của cơ quan điều tra theo quy định của pháp luật; quyết định áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn; huỷ bỏ các quyết định trái pháp luật của cơ quan điều tra;

4- Yêu cầu cơ quan điều tra khắc phục các vi phạm pháp luật trong hoạt động điều tra; yêu cầu thủ trưởng cơ quan điều tra thay đổi, xử lý nghiêm minh Điều tra viên đã vi phạm pháp luật trong khi tiến hành điều tra; nếu hành vi của Điều tra viên có dấu hiệu tội phạm thì khởi tố về hình sự;

5- Quyết định truy tố bị can, quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ điều tra;

6- Kiến nghị với cơ quan, đơn vị, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm.

**Điều 15**

Cơ quan điều tra có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu và quyết định của Viện kiểm sát quân sự theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

**Mục 3: CÔNG TÁC KIỂM SÁT XÉT XỬ**

**Điều 16**

Viện kiểm sát quân sự kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét xử của Toà án quân sự, thực hành quyền công tố nhằm bảo đảm việc xét xử đúng pháp luật, nghiêm minh, kịp thời.

**Điều 17**

Khi thực hiện công tác kiểm sát xét xử vụ án hình sự, Viện kiểm sát quân sự có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1- Thực hành quyền công tố trước Toà án quân sự cùng cấp;

2- Yêu cầu Toà án quân sự cùng cấp và cấp dưới chuyển hồ sơ những vụ án hình sự cần thiết cho công tác kiểm sát xét xử ;

3- Kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm các bản án, quyết định của Toà án quân sự theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

**Điều 18**

Khi thực hiện công tác kiểm sát xét xử, Viện kiểm sát quân sự kiến nghị với Toà án quân sự cùng cấp và cấp dưới khắc phục những vi phạm pháp luật trong việc xét xử, kiến nghị với cơ quan, đơn vị, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

**Mục 4: CÔNG TÁC KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN**

**Điều 19**

Viện kiểm sát quân sự kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Toà án quân sự, cơ quan thi hành án, chấp hành viên, cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan trong việc thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án quân sự nhằm bảo đảm bản án, quyết định đó được thi hành đúng pháp luật, đầy đủ, kịp thời.

**Điều 20**

Khi thực hiện công tác kiểm sát thi hành án, Viện kiểm sát quân sự có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1- Yêu cầu các Toà án quân sự, cơ quan thi hành án cùng cấp và cấp dưới, chấp hành viên, cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thi hành án:

a) Tự kiểm tra việc thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án quân sự và thông báo kết quả kiểm tra cho Viện kiểm sát quân sự;

b) Cung cấp tài liệu, vật chứng có liên quan đến việc thi hành án;

c) Thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án quân sự.

2- Trực tiếp kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại các cơ quan thi hành án cùng cấp và cấp dưới, của chấp hành viên trong việc thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án quân sự và việc giải quyết kháng cáo khiếu nại, tố cáo đối với việc thi hành án.

3- Kháng nghị với Toà án quân sự, cơ quan thi hành án cùng cấp và cấp dưới, chấp hành viên, cơ quan, đơn vị, tổ chức có trách nhiệm trong việc thi hành án, yêu cầu đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ những văn bản, chấm dứt việc làm vi phạm pháp luật trong việc thi hành án; yêu cầu xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính người vi phạm pháp luật. Nếu có dấu hiệu tội phạm thì khởi tố về hình sự.

**Điều 21**

Toà án quân sự, cơ quan thi hành án, chấp hành viên, cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thi hành án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu nói khoản 1 Điều 20 của Pháp lệnh này trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Đối với kháng nghị quy định tại khoản 3 Điều 20 của Pháp lệnh này, Toà án quân sự, cơ quan thi hành án, chấp hành viên, cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm trả lời trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được kháng nghị.

**Mục 5: CÔNG TÁC KIỂM SÁT GIAM, GIỮ, CẢI TẠO**

**Điều 22**

Viện kiểm sát quân sự kiểm sát việc tuân theo pháp luật của cơ quan, đơn vị và người có trách nhiệm trong việc giam, giữ, cải tạo trong quân đội, nhằm bảo đảm :

1- Việc giam, giữ, cải tạo theo đúng quy định của pháp luật;

2- Chế độ giam, giữ, cải tạo được chấp hành nghiêm chỉnh;

3- Tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người bị giam, giữ, cải tạo và các quyền lợi khác của họ không bị pháp luật tước bỏ được tôn trọng.

**Điều 23**

Khi thực hiện công tác kiểm sát việc giam, giữ, cải tạo Viện kiểm sát quân sự có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1- Thường kỳ và bất thường trực tiếp kiểm sát tại nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại cải tạo;

2- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu của cơ quan, đơn vị cùng cấp và cấp dưới có trách nhiệm giam, giữ, cải tạo; gặp, hỏi người bị giam giữ và cải tạo về việc giam, giữ, cải tạo;

3- Tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc giam, giữ, cải tạo;

4- Yêu cầu cơ quan, đơn vị cùng cấp và cấp dưới quản lý nơi giam, giữ và cải tạo kiểm tra những nơi đó và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát quân sự;

5- Yêu cầu cơ quan, đơn vị cùng cấp, cấp dưới và người có trách nhiệm thông báo tình hình giam, giữ và cải tạo trả lời về văn bản, biện pháp hoặc việc làm vi phạm pháp luật trong việc giam, giữ, cải tạo;

6- Quyết định trả tự do cho người bị giam, giữ, cải tạo không có căn cứ và trái pháp luật;

7- Kháng nghị với cơ quan, đơn vị cùng cấp và cấp dưới, yêu cầu đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ văn bản chấm dứt việc làm vi phạm pháp luật và yêu cầu xử lý người vi phạm pháp luật.

**Điều 24**

Cơ quan, đơn vị và người có trách nhiệm trong việc giam, giữ và cải tạo phải chuyển cho Viện kiểm sát quân sự khiếu nại, tố cáo của người bị giam, giữ và cải tạo trong thời hạn hai mươi bốn giờ, kể từ khi nhận được khiếu nại, tố cáo.

Đối với các yêu cầu quy định tại khoản 4 và 5 Điều 23 của Pháp lệnh này, cơ quan, đơn vị và người có trách nhiệm phải trả lời trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Đối với quyết định quy định tại khoản 6 Điều 23 của Pháp lệnh này, cơ quan, đơn vị hoặc người có trách nhiệm phải chấp hành ngay. Nếu không nhất trí thì vẫn phải chấp hành, nhưng có quyền khiếu nại lên Viện kiểm sát quân sự cấp trên trực tiếp. Trong thời hạn mười ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự cấp trên trực tiếp phải giải quyết.

Đối với kháng nghị quy định tại khoản 7 Điều 23 của Pháp lệnh này, cơ quan, đơn vị hữu quan có trách nhiệm trả lời trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được kháng nghị. Nếu không nhất trí với kháng nghị đó thì cơ quan, đơn vị hữu quan có quyền khiếu nại lên Viện kiểm sát quân sự cấp trên trực tiếp. Viện kiểm sát quân sự cấp trên trực tiếp phải giải quyết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định của Viện kiểm sát quân sự cấp trên trực tiếp phải được chấp hành.

**Chương III**

**TỔ CHỨC CỦA VIỆN KIỂM SÁT QUÂN SỰ**

**Điều 25**

Các Viện kiểm sát quân sự gồm có:

- Viện kiểm sát quân sự trung ương;

- Các Viện kiểm sát quân sự quân khu, quân chủng, quân đoàn, tổng cục và cấp tương đương;

- Các Viện kiểm sát quân sự tỉnh và khu vực.

Căn cứ vào nhiệm vụ và tổ chức của quân đội, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao sau khi đã thống nhất với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định việc thành lập và giải thể Viện kiểm sát quân sự quân khu, quân chủng, quân đoàn, tổng cục và cấp tương đương; Viện kiểm sát quân sự tỉnh và khu vực.

**Điều 26**

Viện kiểm sát quân sự trung ương thuộc cơ cấu Viện kiểm sát nhân dân tối cao, thực hiện chức năng của Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong quân đội.

Viện kiểm sát quân sự trung ương có Viện trưởng, các Phó Viện trưởng, các Kiểm sát viên, các Điều tra viên.

**Điều 27**

Căn cứ vào pháp luật, chỉ thị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về công tác kiểm sát và mệnh lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về nhiệm vụ của quân đội, Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1- Lãnh đạo việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác kiểm sát và xây dựng Viện kiểm sát quân sự về mọi mặt; quyết định những vấn đề về công tác kiểm sát không thuộc thẩm quyền của Uỷ ban kiểm sát; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác kiểm sát trong quân đội trước Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

2- Ra các quyết định, chỉ thị đối với các Viện kiểm sát quân sự;

3- Chỉ đạo và kiểm tra hoạt động của Viện kiểm sát quân sự các cấp; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Viện kiểm sát quân sự;

4- Tham dự các phiên họp của Bộ Quốc phòng về các vấn đề có liên quan; các phiên họp của Uỷ ban thẩm phán Toà án quân sự trung ương về việc áp dụng thống nhất pháp luật.

**Điều 28**

Viện kiểm sát quân sự trung ương có Uỷ ban kiểm sát.

Uỷ ban kiểm sát Viện kiểm sát quân sự trung ương gồm có Viện trưởng, các Phó viện trưởng và một số Kiểm sát viên của Viện kiểm sát quân sự trung ương do Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương cử và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phê chuẩn.

Uỷ ban kiểm sát Viện kiểm sát quân sự trung ương họp do Viện trưởng chủ trì để thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng sau đây:

1- Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch công tác của Viện kiểm sát quân sự;

2- Báo cáo của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương trước Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về công tác kiểm sát trong quân đội; trước Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về tình hình chấp hành pháp luật trong quân đội;

3- Tuyển chọn người để bổ nhiệm làm Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự các cấp theo quy định của Pháp lệnh về Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân;

4- Kiến nghị của Viện Kiểm sát quân sự trung ương gửi Bộ trưởng Bộ quốc phòng; báo cáo của Viện kiểm sát quân sự trung ương với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về những ý kiến của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương không nhất trí với nghị quyết của Uỷ ban thẩm phán Toà án quân sự trung ương; những vụ án hình sự quan trọng và những vấn đề quan trọng khác do ít nhất một phần ba tổng số thành viên Uỷ ban kiểm sát yêu cầu.

Nghị quyết của Uỷ ban kiểm sát phải được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành; trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có ý kiến của Viện trưởng; nếu Viện trưởng không nhất trí với ý kiến của đa số thành viên Uỷ ban kiểm sát thì thực hiện theo quyết định của đa số, nhưng có quyền báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

**Điều 29**

Viện kiểm sát quân sự quân khu, quân chủng, quân đoàn, tổng cục và cấp tương đương gồm có Viện trưởng, các Phó viện trưởng, các Kiểm sát viên, các Điều tra viên.

**Điều 30**

Viện kiểm sát quân sự quân khu, quân chủng, quân đoàn, tổng cục và cấp tương đương có Uỷ ban kiểm sát.

Uỷ ban kiểm sát Viện kiểm sát quân sự quân khu, quân chủng, quân đoàn, tổng cục và cấp tương đương gồm có Viện trưởng, các Phó Viện trưởng và một số Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự quân khu, quân chủng, quân đoàn, tổng cục và cấp tương đương do Viện trưởng cử và trình Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương phê chuẩn.

Uỷ ban kiểm sát Viện kiểm sát quân sự quân khu, quân đoàn, tổng cục và cấp tương đương họp do Viện trưởng chủ trì để thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng sau đây:

1- Việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch công tác, quyết định, chỉ thị của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương;

2- Báo cáo tổng kết công tác với Viện kiểm sát quân sự trung ương;

3- Tuyển chọn người để bổ nhiệm làm Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương, tỉnh và khu vực theo quy định của Pháp lệnh về Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân;

4- Những vấn đề quan trọng khác do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương quy định.

Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự quân khu, quân chủng, quân đoàn, tổng cục và cấp tương đương quyết định những vấn đề không thuộc thẩm quyền của Uỷ ban kiểm sát.

Nghị quyết của Uỷ ban kiểm sát phải được quá nửa tổng số thành viên Uỷ ban kiểm sát biểu quyết tán thành; trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có ý kiến của Viện trưởng. Nếu Viện trưởng không nhất trí với ý kiến của đa số thành viên Uỷ ban kiểm sát thì thực hiện theo quyết định của đa số, nhưng có quyền báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương.

**Điều 31**

Viện kiểm sát quân sự tỉnh và khu vực có Viện trưởng, Phó viện trưởng và các kiểm sát viên.

**Điều 32**

Bộ máy làm việc của Viện kiểm sát quân sự trung ương do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định sau khi đã thống nhất với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và trình Uỷ ban thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

Bộ máy làm việc của các Viện kiểm sát quân sự quân khu và tương đương, tỉnh và khu vực, do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định, theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương sau khi đã thống nhất với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Biên chế của Viện kiểm sát quân sự các cấp do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định, sau khi đã thống nhất với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

**Điều 33**

Sĩ quan quân đội nhân dân tại ngũ có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Pháp lệnh về Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thì có thể được bổ nhiệm làm Kiểm sát viên Viện kiểm sát quân sự; có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Pháp lệnh tổ chức điều tra hình sự thì có thể được bổ nhiệm làm Điều tra viên Viện kiểm sát quân sự.

**Điều 34**

Quân nhân, công nhân và nhân viên quốc phòng làm việc ở Viện kiểm sát quân sự có các quyền, nghĩa vụ theo chế độ của quân đội. Chế độ phụ cấp, giấy chứng minh đối với các Viện kiểm sát quân sự do Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định.

**Điều 35**

Kinh phí hoạt động của các Viện kiểm sát quân sự do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phối hợp với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng lập dự toán đề nghị Chính phủ trình Quốc hội quyết định.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 36**

Pháp lệnh này thay thế các Pháp lệnh đã ban hành trước đây về tổ chức Viện kiểm sát quân sự; những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

**Điều 37**

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.

|  |
| --- |
| **Chủ tịch nước** |
| ***(Đã ký)*** |
|  | | | |
| **Lê Đức Anh** |  |  |  |